

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---***---

Án số 70/2017/HSST
Ngày 28/11/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

*** Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiền và Bà Phan Thị Thúy Hà

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình

*** A2 diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Tùng - Kiểm sát Viên

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban Nhân dân xã Đ1, huyện Đ; Tòa án huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2017/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2017 đối với:

1. **Bị cáo:** Bùi Văn A , sinh ngày 07/7/ 1997

Trú tại: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Văn hoá: 9/12;

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bố đẻ: Bùi Văn Q sinh năm 1971; Mẹ đẻ Bùi Thị G sinh năm 1973(đã ly hôn ông Thương); Gia đình có 2 anh em bị cáo là con thứ hai; Vợ con: Chưa có

Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 9/12 sau ở nhà lao động tự do. Ngày 04/6/2017 có hành vi Trộm cắp tài sản sau đó bỏ trốn, bị khởi tố bị can, bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng ra quyết định truy nã. Ngày 08/9/2017 bị bắt theo lệnh truy nã

Tiền án, tiền sự: Không .

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng.

(Bị cáo được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.)

2. Nguyên đơn dân sự:

Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn R - Trưởng thôn K, xã L.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 04/6/2015, Bùi Văn A sinh ngày 07/7/1997, Vũ Đình A2 Phạm Văn H, Hà Văn A1, Vũ Trường G1, Bùi Văn D, đều trú tại: Xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình chơi điện tử tại quán của anh X ở thôn H, xã P. Đến khoảng 23h cùng ngày A2 không chơi nữa đứng dậy nói với cả nhóm: “Đi thôi”, ý nói đi trộm cắp tài sản. Do trước đó cũng đã từng đi trộm cắp tài sản với nhau nên cả nhóm đều hiểu và đồng ý với A2, không ai nói gì. Bùi Văn A điều khiển xe mô tô của A2 chở A2 và Hà Văn A1, G1 điều khiển xe mô tô của H chở H và D; Hà Văn A1 cầm theo 01 then cửa bằng sắt với mục đích phá cửa, hòm, tủ để trộm cắp.

Cả nhóm đi đến địa phận xã L, huyện Đông Hưng thì Bùi Văn A nhìn thấy chùa ĐP Tự thuộc thôn K, xã L, huyện Đ. A nói: “Kia, kia.” Tất cả đều nhìn thấy ngôi chùa, cả nhóm đi thêm 01 – 02 Km thì quay xe lại chùa ĐP Tự. Bùi Văn A nói: “Đi vào xem có gì không.” D cầm theo chiếc then cửa cùng G1 trèo tường bao vào chùa trước, Bùi Văn A và H vào sau, còn A2 và Hà Văn A1 đứng ngoài trông xe và cảnh giới.

Khi vào trong chùa, H lại trèo ra ngoài còn G1, D, Bùi Văn A ra đứng ở trước cửa giữa chùa, cửa có hai then ngang khóa ngoài; D dùng then cửa cậy phá được một then ngang, đến then thứ hai thì không phá được. Bùi Văn A dùng tay nhắc cánh cửa lên đặt sang bên trái, G1, D, Bùi Văn A đi vào trong chùa, dùng điện thoại soi tìm tài sản. Cả ba phát hiện thấy 01 két sắt ghi “Hòm công đức” đã nhắc thử thấy nặng nên gọi Đông, H, A2 vào cùng khiêng. Sáu người khiêng chiếc két sắt đặt lên bờ tường bao, rồi đặt lên xe mô tô của A2. A2 điều khiển xe, Bùi Văn A ngồi sau ôm két sắt. Bốn người còn lại đi xe của H. Đi được khoảng 01km đến cánh đồng thôn V, xã L thì A2 rẽ vào bên trái đường và dừng xe, để két xuống lề cỏ. A2 dùng then cửa đập, cậy cửa két sắt nhưng không được, G1 dùng chân đập nhưng không mở được, H dùng viên gạch đập 02 – 03 cái thì cửa két bị lún xuống tạo thành một khe hở. H và Bùi Văn A thò tay vào trong két móc hết tiền bỏ vào túi ni lon nhặt được ở chùa,

những người còn lại dùng đèn điện thoại để soi. Sau khi lấy tiền cả nhóm treo túi tiền lên xe đại, bỏ lại kết sắt đi về. Khi đi qua ngã tư GL cả nhóm điều khiển xe rẽ vào nghĩa trang thuộc địa phận xã M chia tiền. Mỗi người được 800.000đ (tám trăm ngàn đồng) tổng là 4.800.000đ(bốn triệu tám trăm ngàn đồng). Số tiền mệnh 2000đ được khoảng 200.000đ (hai trăm ngàn)Bùi Văn A cầm. Số tiền mệnh giá 500đ và 1000đ được khoảng 200.000đ(hai trăm ngàn) Hà Văn A1 cầm. Số tiền trộm cắp được các bị cáo đã tiêu xài hết. Chiếc kết sắt bị hỏng hoàn toàn.

Hội đồng định giá chiếc kết sắt trị giá 840.000đ. Gia đình các bị cáo A2, D, Hà Văn A1, G1, H đã bồi thường thiệt hại thay cho các bị cáo.

Sau khi phạm tội Bùi Văn A bỏ trốn. Ngày 21/01/2016 các bị cáo A2, D, H, G1 và Hà Văn A1 đã bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng đưa ra xét xử về tội trộm cắp tài sản. Ngày 08/9/2017 Bùi Văn A bị bắt theo lệnh truy nã.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo. Cáo trạng số 70/KS-ĐT ngày 06/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố, Bùi Văn A về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, A2 diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa phân tích nguyên nhân điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng số 70/KS-ĐT đồng thời đề nghị HĐXX xử bị cáo Bùi Văn A về tội: “Trộm cắp tài sản” Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điểm i khoản 1 Điều 48, Điều 45; khoản 1, 3, 5 Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Bùi Văn A từ 06- 08 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự gia đình các bị cáo A2, D, Hà Văn A1, G1, H đã giải quyết xong việc bồi thường nên không xử lý.

Vật chứng vụ án đã được giải quyết tại bản án số 03/2016/HSST ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể tối ngày 04/6/2015, Bùi Văn A đã cùng các bị cáo A2, D, Hà Văn A1, G1, H trộm cắp kết sắt của chùa ĐP Tự và chia số tiền có trong kết sắt là 4.800.000đ như bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo A xác định cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là đúng pháp luật vì vậy không trình bày lời bào chữa, cũng không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt do kiểm sát viên đề nghị.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các tài liệu chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án thì thấy đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Đó là các tài liệu hợp pháp chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với Cáo trạng số 70/KS-ĐT ngày 06/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với: Lời khai của những người làm chứng, người bị hại, cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận vào tối ngày 04/6/2015, Bùi Văn A đã cùng các bị cáo A2, D, Hà Văn A1, G1, H trộm cắp kết sắt của chùa ĐP Tự và chia số tiền có trong kết sắt là 4.800.000đ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh, an toàn xã hội. Vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử áp dụng cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Số tiền các bị cáo trộm cắp được chia bằng nhau. A2 là người khởi xướng, Hà Văn

A1 là người chuẩn bị công cụ phạm tội, D tích cực phá khóa nên giữ vai trò thứ nhất. Bùi Văn A, G1, H giữ vai trò thứ hai.

Tuy nhiên 05 bị cáo A2, D, Hà Văn A1, G1, H đã bị Tòa án Đông Hưng đưa ra xét xử và kết án về tội: “ Trộm cắp tài sản” vào ngày 21/01/2016.

Với Bùi Văn A sau khi phạm tội bỏ trốn; Ngày 08/9/2017 Đông bị bắt theo lệnh truy nã. Bị cáo A tham gia trộm cắp tài sản ở chùa ĐP Tự là tài sản thuộc quyền sở hữu của Ủy ban nhân dân (UBND) xã L nên phải chịu tình tiết tăng nặng là xâm phạm tài sản của Nhà nước, quy định tại Điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa Bùi Văn A thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do vậy Đông được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm p, g, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bùi Văn A phạm tội khi mới 17(mười bảy) tuổi 10(mười) tháng 27(hai mươi bảy) ngày, do vậy bị cáo được áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: UBND xã L đã nhận đủ tiền bồi thường thiệt hại do gia đình 05 bị cáo A2, D, Hà Văn A1, G1, H bồi thường không có yêu cầu bồi thường khoản nào khác cần chấp nhận. Nay gia đình các bị cáo H, A2, D không yêu cầu Bùi Văn A bồi thường nên không đặt ra giải quyết. Đối với số tiền gia đình hai bị cáo Hà Văn A1 và Vũ Trường G1 bỏ ra bồi thường thay cho Bùi Văn A nhưng nay gia đình của Hà Văn A1 và Vũ Trường G1 đi làm ăn xa chưa có ý kiến trình bày do vậy nếu gia đình Hà Văn A1 và Vũ Trường G1 có yêu cầu Bùi Văn A hoàn trả thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

* Về xử lý vật chứng:

- 02 chiếc xe mô tô các bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp, 02 chiếc điện thoại các bị cáo dùng để soi tìm tài sản trộm cắp; Chiếc then cửa, viên gạch là vật chứng của vụ án đã được xử lý tại bản án số 03/2016 ngày 21/01/2017 của Tòa án Nhân dân huyện Đông Hưng.

* Về án phí: Bị cáo Bùi Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo được kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố Bùi Văn A phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, Điểm g, h, p khoản 1 Điều 46, Điểm i khoản 1 Điều 48, Điều 45, Điều 53, Điều 33, Khoản 1,3,5 Điều 69, Khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Bùi Văn A 06(sáu) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/9/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết

4. Về án phí : Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Văn A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền làm đơn kháng án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND huyện Đông Hưng
- Công an huyện Đông Hưng
- Cục THA dân sự huyện Đông Hưng
- UBND xã P, huyện T, TB
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Hà Thị Nhung